

BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG
CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG
GIAI ĐOẠN 2016-2020
**VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI
NÔNG THÔN MỚI TRUNG ƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **87** /VPĐP-TTHTQT
V/v cung cấp tài liệu phục vụ kiểm toán

Hà Nội, ngày **04** tháng **02** năm **2020**

Kính gửi: Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG các tỉnh: Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Bắc Kạn, Điện Biên, Lai Châu, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Ngãi, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Định, Kon Tum, Đắk Lắk, Sóc Trăng, Trà Vinh.

Thực hiện Công văn số 63/KTNN-TH ngày 15/1/2020 của Kiểm toán nhà nước về cung cấp tài liệu phục vụ công tác lập kế hoạch kiểm toán Chương trình “Hỗ trợ thực hiện hai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020” tại 18 tỉnh;

Để công tác kiểm toán đảm bảo đúng tiến độ, thời gian và chất lượng theo quy định của Luật Kiểm toán nhà nước; Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương đề nghị Ban Chỉ đạo các chương trình MTQG các tỉnh chỉ đạo, giao các đơn vị chức năng của tỉnh cung cấp tài liệu theo phụ lục gửi kèm gửi về Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương **trước ngày 10/02/2020** để tổng hợp.

Thông tin chi tiết đề nghị liên hệ Phòng Truyền thông và Hợp tác quốc tế, Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương, Địa chỉ: Nhà B9 - Số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội; Email: ntm.tthtqt@gmail.com, Điện thoại: 024.3843.8802./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường (để b/c);
- Thứ trưởng Trần Thanh Nam (để b/c);
- VPĐP NTM 18 tỉnh (để p/h);
- Ban Dân tộc 18 tỉnh (để p/h);
- Lưu: VT, TTHTQT. (80)

CỤC TRƯỞNG - CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Minh Tiến

DANH MỤC VĂN BẢN CHỦ YẾU LIÊN QUAN ĐẾN CHƯƠNG TRÌNH

STT	Số, ngày... của văn bản	Trích yếu nội dung	Cơ quan ban hành	Ghi chú
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI			
1	Tỉnh			
2	Tỉnh.....			
B	CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG			
1	Tỉnh			
2	Tỉnh.....			

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TẠI TỈNH.....
Năm 2019**

Đơn vị tính: đồng

TT	Đơn vị	Kinh phí năm (kỳ) trước được chuyển sang năm nay	Kinh phí được giao năm nay	Tổng số được sử dụng trong năm (kỳ)	Kinh phí quyết toán chi trong năm (kỳ)	Kinh phí giảm (nộp trả)	Kinh phí được chuyển năm (kỳ) sau
A	B	1	2	3=1+2	4	5	6=3-4-5
	Tổng cộng						
1	Kinh phí dư kỳ trước chuyển sang - NSTW - NSDP						
2	Dự toán kinh phí giao trong kỳ - NSTW - NSDP						
3	Kinh phí thực nhận trong kỳ - NSTW - NSDP						
4	Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ - NSTW - NSDP						
5	Kinh phí đề nghị quyết toán trong kỳ - NSTW - NSDP						
6	Kinh phí giảm (nộp trả) trong kỳ - NSTW - NSDP						
7	Kinh phí dư chuyển sang kỳ sau - NSTW - NSDP						

TỔNG HỢP NGUỒN VỐN THEO TỪNG NỘI DUNG CHI
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TẠI TỈNH.....
Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

TT	Đơn vị	Tổng		Dự toán		Giải ngân	
		Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp	Đầu tư	Sự nghiệp
1	Quy hoạch xây dựng nông thôn mới						
2	Phát triển hạ tầng kinh tế xã hội						
2.1	Quốc phòng						
2.2	An ninh, trật tự an toàn xã hội						
2.3	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
2.4	Khoa học và công nghệ						
2.5	Y tế, dân số và gia đình						
2.6	Văn hóa, thông tin						
2.7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn						
2.8	Thể dục, thể thao						
2.9	Bảo vệ môi trường						
2.10	Các hoạt động kinh tế						
2.11	Các hoạt động của các cơ quan QLNN, Đảng, Đoàn thể						
2.12	Bảo đảm xã hội						
2.13	Tài chính và hoạt động khác						
3	Các nội dung về đào tạo nghề nông thôn, bồi dưỡng cán bộ HTX phục vụ PTSX gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn nâng cao thu nhập người dân						
3.1	Quốc phòng						
3.2	An ninh, trật tự an toàn xã hội						
3.3	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
3.4	Khoa học và công nghệ						
3.5	Y tế, dân số và gia đình						
3.6	Văn hóa, thông tin						
3.7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn						
3.8	Thể dục, thể thao						
3.9	Bảo vệ môi trường						
3.10	Các hoạt động kinh tế						
3.11	Các hoạt động của các cơ quan QLNN, Đảng, Đoàn thể						
3.12	Bảo đảm xã hội						
3.13	Tài chính và hoạt động khác						
4	Các nội dung về hỗ trợ phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn nâng cao thu nhập người dân						
4.1	Quốc phòng						
4.2	An ninh, trật tự an toàn xã hội						
4.3	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề						
4.4	Khoa học và công nghệ						
4.5	Y tế, dân số và gia đình						
4.6	Văn hóa, thông tin						
4.7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn						
4.8	Thể dục, thể thao						
4.9	Bảo vệ môi trường						
4.10	Các hoạt động kinh tế						

4.11	Các hoạt động của các cơ quan QLNN, Đảng, Đoàn thể					
4.12	Bảo đảm xã hội					
4.13	Tài chính và hoạt động khác					
5	Giảm nghèo và an sinh xã hội					
5.1	Quốc phòng					
5.2	An ninh, trật tự an toàn xã hội					
5.3	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
5.4	Khoa học và công nghệ					
5.5	Y tế, dân số và gia đình					
5.6	Văn hóa, thông tin					
5.7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn					
5.8	Thể dục, thể thao					
5.9	Bảo vệ môi trường					
5.10	Các hoạt động kinh tế					
5.11	Các hoạt động của các cơ quan QLNN, Đảng, Đoàn thể					
5.12	Bảo đảm xã hội					
5.13	Tài chính và hoạt động khác					
6	Phát triển giáo dục ở nông thôn					
6.1	Quốc phòng					
6.2	An ninh, trật tự an toàn xã hội					
6.3	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
6.4	Khoa học và công nghệ					
6.5	Y tế, dân số và gia đình					
6.6	Văn hóa, thông tin					
6.7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn					
6.8	Thể dục, thể thao					
6.9	Bảo vệ môi trường					
6.10	Các hoạt động kinh tế					
6.11	Các hoạt động của các cơ quan QLNN, Đảng, Đoàn thể					
6.12	Bảo đảm xã hội					
6.13	Tài chính và hoạt động khác					
7	Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn					
7.1	Quốc phòng					
7.2	An ninh, trật tự an toàn xã hội					
7.3	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
7.4	Khoa học và công nghệ					
7.5	Y tế, dân số và gia đình					
7.6	Văn hóa, thông tin					
7.7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn					
7.8	Thể dục, thể thao					
7.9	Bảo vệ môi trường					
7.10	Các hoạt động kinh tế					
7.11	Các hoạt động của các cơ quan QLNN, Đảng, Đoàn thể					
7.12	Bảo đảm xã hội					
7.13	Tài chính và hoạt động khác					
8	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn					
8.1	Quốc phòng					
8.2	An ninh, trật tự an toàn xã hội					
8.3	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề					
8.4	Khoa học và công nghệ					
8.5	Y tế, dân số và gia đình					
8.6	Văn hóa, thông tin					
8.7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn					
8.8	Thể dục, thể thao					
8.9	Bảo vệ môi trường					

8.10	<i>Các hoạt động kinh tế</i>						
8.11	<i>Các hoạt động của các cơ quan QLNN, Đảng, Đoàn thể</i>						
8.12	<i>Bảo đảm xã hội</i>						
8.13	<i>Tài chính và hoạt động khác</i>						
9	Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề						
9.1	<i>Quốc phòng</i>						
9.2	<i>An ninh, trật tự an toàn xã hội</i>						
9.3	<i>Giáo dục, đào tạo và dạy nghề</i>						
9.4	<i>Khoa học và công nghệ</i>						
9.5	<i>Y tế, dân số và gia đình</i>						
9.6	<i>Văn hóa, thông tin</i>						
9.7	<i>Phát thanh, truyền hình, thông tấn</i>						
9.8	<i>Thể dục, thể thao</i>						
9.9	<i>Bảo vệ môi trường</i>						
9.10	<i>Các hoạt động kinh tế</i>						
9.11	<i>Các hoạt động của các cơ quan QLNN, Đảng, Đoàn thể</i>						
9.12	<i>Bảo đảm xã hội</i>						
9.13	<i>Tài chính và hoạt động khác</i>						
10	Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân						
10.1	<i>Quốc phòng</i>						
10.2	<i>An ninh, trật tự an toàn xã hội</i>						
10.3	<i>Giáo dục, đào tạo và dạy nghề</i>						
10.4	<i>Khoa học và công nghệ</i>						
10.5	<i>Y tế, dân số và gia đình</i>						
10.6	<i>Văn hóa, thông tin</i>						
10.7	<i>Phát thanh, truyền hình, thông tấn</i>						
10.8	<i>Thể dục, thể thao</i>						
10.9	<i>Bảo vệ môi trường</i>						
10.10	<i>Các hoạt động kinh tế</i>						
10.11	<i>Các hoạt động của các cơ quan QLNN, Đảng, Đoàn thể</i>						
10.12	<i>Bảo đảm xã hội</i>						
10.13	<i>Tài chính và hoạt động khác</i>						
11	Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn						
11.1	<i>Quốc phòng</i>						
11.2	<i>An ninh, trật tự an toàn xã hội</i>						
11.3	<i>Giáo dục, đào tạo và dạy nghề</i>						
11.4	<i>Khoa học và công nghệ</i>						
11.5	<i>Y tế, dân số và gia đình</i>						
11.6	<i>Văn hóa, thông tin</i>						
11.7	<i>Phát thanh, truyền hình, thông tấn</i>						
11.8	<i>Thể dục, thể thao</i>						
11.9	<i>Bảo vệ môi trường</i>						
11.10	<i>Các hoạt động kinh tế</i>						
11.11	<i>Các hoạt động của các cơ quan QLNN, Đảng, Đoàn thể</i>						
11.12	<i>Bảo đảm xã hội</i>						
11.13	<i>Tài chính và hoạt động khác</i>						

12	Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; truyền thông về xây dựng nông thôn mới						
12.1	<i>Quốc phòng</i>						
12.2	<i>An ninh, trật tự an toàn xã hội</i>						
12.3	<i>Giáo dục, đào tạo và dạy nghề</i>						
12.4	<i>Khoa học và công nghệ</i>						
12.5	<i>Y tế, dân số và gia đình</i>						
12.6	<i>Văn hóa, thông tin</i>						
12.7	<i>Phát thanh, truyền hình, thông tấn</i>						
12.8	<i>Thể dục, thể thao</i>						
12.9	<i>Bảo vệ môi trường</i>						
12.10	<i>Các hoạt động kinh tế</i>						
12.12	<i>Các hoạt động của các cơ quan QLNN, Đảng, Đoàn thể</i>						
12.12	<i>Bảo đảm xã hội</i>						
12.13	<i>Tài chính và hoạt động khác</i>						

**TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TỪ KHỞI CÔNG ĐẾN 31/12/2019 TẠI TỈNH.....**

TT	Chi tiết	Tên nhà thầu	Hình thức giá hợp đồng	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian thực hiện HĐ	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị hợp đồng	Giá trị nghiệm thu/ QT (từ khởi công đến 31/12/2019)	Giá trị đã thanh toán/ tạm ứng (đến 31/12/2019)	Giá trị đã được Kiểm toán nhà nước thực hiện các năm trước	Giá trị chưa kiểm toán	Tình hình thanh tra kiểm tra
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
	Dự án A											
	Dự án B											
	Dự án...											

Ghi chú: Chi báo cáo các gói thầu chính của các Dự án

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIÁM NGHÈO BỀN VỮNG (CHƯƠNG TRÌNH 135)
TẠI TỈNH.....
Năm 2019**

Đơn vị tính: đồng

TT	Đơn vị	Kinh phí năm (kỳ) trước được chuyển sang năm nay	Kinh phí được giao năm nay	Tổng số được sử dụng trong năm (kỳ)	Kinh phí quyết toán chi trong năm (kỳ)	Kinh phí giám (nộp trả)	Kinh phí được chuyển năm (kỳ) sau
A	B	1	2	3=1+2	4	5	6=3-4-5
1	Kinh phí dư kỳ trước chuyển sang - NSTW - NSĐP						
2	Dự toán kinh phí giao trong kỳ - NSTW - NSĐP						
3	Kinh phí thực nhận trong kỳ - NSTW - NSĐP						
4	Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ - NSTW - NSĐP						
5	Kinh phí đề nghị quyết toán trong kỳ - NSTW - NSĐP						
6	Kinh phí giám (nộp trả) trong kỳ - NSTW - NSĐP						
7	Kinh phí dư chuyển sang kỳ sau - NSTW - NSĐP						

**TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG (CHƯƠNG TRÌNH 135)
TỪ KHỞI CÔNG ĐẾN 31/12/2019 TẠI TỈNH.....**

TT	Chi tiết	Tên nhà thầu	Hình thức giá hợp đồng	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian thực hiện HĐ	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị hợp đồng	Giá trị nghiệm thu/ QT (từ khởi công đến 31/12/2019)	Giá trị đã thanh toán/ tạm ứng (đến 31/12/2019)	Giá trị đã được Kiểm toán nhà nước thực hiện các năm trước	Giá trị chưa kiểm toán	Tình hình thanh tra kiểm tra
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
	Dự án A											
	Dự án B											
	Dự án...											

Ghi chú: Chỉ báo cáo các gói thầu chính của các Dự án